

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA

Trường THPT Như Xuân

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2021-2022

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả học tập lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					H K	H L	TB TO	TB VA	TB TA	TB Môn	ƯT	KK	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Tổng		
1	861322	Hoàng Tiến Dũng	22/01/2006	Như Xuân	T	G	9.1	8.5	9.1	8.8			8.500	8.500	9.200	43.200	001 /26/2021/NX	
2	862377	Lê Diệu Linh	11/07/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	8.3	8.4	9.6	8.5	0.5		7.500	8.250	9.800	41.800	002 /26/2021/NX	
3	261013	Nguyễn Quỳnh Anh	03/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.7	8.3	9.3	8.6			7.750	8.250	9.600	41.600	003 /26/2021/NX	
4	261245	Lê Thị Huyền Trang	07/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.8	9.0	8.7	8.7			7.500	8.500	9.000	41.000	004 /26/2021/NX	
5	862029	Trần Quỳnh Chi	16/01/2006	Như Thanh	T	G	8.3	8.9	8.8	8.6			7.500	8.500	8.600	40.600	005 /26/2021/NX	
6	862504	Nguyễn Vũ Hà Uyên	14/01/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	7.7	8.2	9.6	8.6			7.250	8.000	9.800	40.300	006 /26/2021/NX	
7	261196	Lê Đức Quân	23/06/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	8.2	7.5	9.4	8.5	0.5		7.250	7.500	9.800	39.800	007 /26/2021/NX	
8	261012	Nguyễn Phương Anh	03/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.2	7.9	8.9	8.3			6.750	8.000	9.400	38.900	008 /26/2021/NX	
9	861019	Lê Chí Dũng	15/01/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	9.4	7.8	8.3	8.3			8.250	7.500	7.200	38.700	009 /26/2021/NX	
10	261006	Lê Minh Anh	01/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.0	7.7	9.4	8.3	0.5		6.250	7.750	9.600	38.100	010 /26/2021/NX	
11	261282	Lê Thị Hà Vy	18/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.4	8.2	8.7	8.3	0.5		6.750	8.000	8.000	38.000	011 /26/2021/NX	
12	862123	Bùi Hoàng Khánh Xuân	28/01/2006	Như Xuân	T	G	8.5	8.1	9.1	8.6	0.5		6.250	8.250	8.400	37.900	012 /26/2021/NX	
13	261040	Lê Trần Dũng	25/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.4	7.7	9.3	8.5			6.750	8.000	8.000	37.500	013 /26/2021/NX	
14	261154	Đào Hùng Nam	17/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.0	7.9	8.7	8.3			7.000	7.500	8.400	37.400	014 /26/2021/NX	
15	261183	Đỗ Việt Tuấn Ninh	30/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.3	7.6	6.7	8.3			7.500	7.750	5.800	36.300	015 /26/2021/NX	
16	261010	Vì Ngọc Anh	10/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.1	8.0	8.1	8.4	0.5		6.250	8.000	7.200	36.200	016 /26/2021/NX	
17	261141	Nguyễn Mai Lộc	14/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.1	7.5	8.9	8.5			6.500	7.500	7.800	35.800	017 /26/2021/NX	
18	261115	Lê Đức Khánh	01/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.6	7.7	9.1	8.2	0.5		6.000	7.500	8.200	35.700	018 /26/2021/NX	
19	261079	Phạm Văn Hoàng Hiệp	31/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	8.0	6.9	8.0	7.8			7.750	7.250	5.600	35.600	019 /26/2021/NX	
20	261336	Nguyễn Thu Phương	23/04/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	8.3	8.0	8.3	8.5	0.5		7.000	7.500	5.600	35.100	020 /26/2021/NX	
21	261148	Lê Ngọc Mai	02/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.2	7.7	7.9	8.3	0.5		6.250	7.750	6.600	35.100	021 /26/2021/NX	
22	261008	Phạm Ngọc Anh	22/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.5	7.7	7.1	7.4			6.750	7.500	6.600	35.100	022 /26/2021/NX	
23	261100	Lê Tuấn Hưng	11/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.4	7.8	8.7	8.4	0.5		6.250	7.000	8.000	35.000	023 /26/2021/NX	
24	261216	Dương Thị Phương Thanh	31/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.4	7.8	7.4	8.0			6.250	8.250	5.800	34.800	024 /26/2021/NX	
25	261296	Lê Đức Bảo	05/09/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	8.5	7.6	8.2	8.3	0.5		6.750	7.500	5.400	34.400	025 /26/2021/NX	
26	261214	Hoàng Thị Tiểu Tam	13/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.2	8.8	7.2	8.3	0.5		6.250	8.000	5.200	34.200	026 /26/2021/NX	
27	261294	Dương Việt Anh	14/12/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	8.2	7.3	8.5	8.1	0.5		6.000	7.500	6.600	34.100	027 /26/2021/NX	
28	261027	Bùi Thị Thảo Chi	18/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.4	8.7	7.0	8.3	0.5		6.500	7.750	4.600	33.600	028 /26/2021/NX	
29	261205	Phạm Đình Phú Sang	10/01/2006	Nghi Lộc - Nghệ An	T	G	8.8	7.7	7.2	8.0			7.000	6.500	6.200	33.200	029 /26/2021/NX	
30	261329	Nguyễn Lê Trà My	27/11/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	7.8	7.5	7.2	7.4	0.5		6.000	8.000	4.600	33.100	030 /26/2021/NX	
31	261347	Đào Lê Quỳnh Thương	28/09/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	7.1	8.9	7.5	7.8	0.5		3.750	8.750	7.000	32.500	031 /26/2021/NX	
32	261005	Trương Lan Anh	02/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.0	6.8	8.3	7.5	0.5		6.000	5.500	9.000	32.500	032 /26/2021/NX	
33	261302	Lê Khắc Chính	10/11/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	6.8	7.5	6.4	7.7	0.5		6.500	7.500	3.800	32.300	033 /26/2021/NX	
34	261215	Nguyễn Đăng Tâm	24/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.3	6.4	5.6	6.8			5.750	8.000	4.800	32.300	034 /26/2021/NX	
35	261263	Quách Duy Tuấn	08/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.0	7.6	7.2	8.0	0.5		6.750	6.000	5.800	31.800	035 /26/2021/NX	
36	261318	Lê Ngọc Huy	31/08/2006	Bệnh Viện Phụ Sản Thanh Hóa	T	K	6.9	6.9	7.7	7.6	0.5		4.500	7.500	7.200	31.700	036 /26/2021/NX	
37	261097	Lê Danh Hưng	25/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.6	7.0	6.7	7.6	0.5		5.000	7.000	7.000	31.500	037 /26/2021/NX	
38	261212	Nguyễn Thành Sử	20/01/2006	Như Thanh - Thanh Hóa	T	K	6.2	6.9	7.3	7.2			6.250	6.500	6.000	31.500	038 /26/2021/NX	
39	261002	Lê Đức Anh	17/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.0	6.7	6.8	7.4			6.250	5.500	7.800	31.300	039 /26/2021/NX	

40	261042	Lê Đức Dương	31/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.8	7.1	6.4	7.4	0.5		4.250	7.250	7.600	31.100	040 /26/2021/NX
41	261009	Lê Thị Ngọc Anh	19/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	K	6.5	7.6	5.9	7.0			5.250	7.500	5.600	31.100	041 /26/2021/NX
42	261157	Nguyễn Thị Nga	19/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.5	8.2	7.2	8.3			6.250	6.000	6.200	30.700	042 /26/2021/NX
43	261262	Lê Anh Tuấn	14/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.9	6.9	7.7	7.6	0.5		4.500	6.500	8.200	30.700	043 /26/2021/NX
44	261350	Đinh Đình Tuấn	12/10/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	7.7	7.2	6.7	7.2	0.5		5.500	7.500	4.000	30.500	044 /26/2021/NX
45	261227	Lê Thị Thu Thảo	25/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.3	8.4	7.4	8.4	0.5		6.250	6.000	5.200	30.200	045 /26/2021/NX
46	261232	Lê Thị Hoài Thu	01/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.8	8.0	6.9	8.0			6.000	7.000	4.200	30.200	046 /26/2021/NX
47	261200	Bùi Lê Quyền	27/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.6	8.2	6.9	8.1	0.5		4.500	7.250	6.000	30.000	047 /26/2021/NX
48	261035	Nguyễn Thị Đình	02/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.5	8.7	6.7	8.5			5.000	8.000	4.000	30.000	048 /26/2021/NX
49	261344	Hà Văn Tài	01/11/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	7.5	7.3	7.4	7.5	0.5		4.250	7.250	6.000	29.500	049 /26/2021/NX
50	261312	Vũ Đình Minh Hoàng	08/03/2006	Như Thanh, Thanh Hóa	T	K	7.8	7.8	6.9	7.7	0.5		6.250	6.000	4.400	29.400	050 /26/2021/NX
51	261293	Hà Thị Văn Anh	04/02/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	7.0	7.7	7.3	7.4	0.5		3.250	8.000	6.400	29.400	051 /26/2021/NX
52	261351	Hà Văn Tuấn	24/05/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	6.6	6.6	6.2	6.9	0.5		5.500	8.000	1.800	29.300	052 /26/2021/NX
53	261252	Hoàng Thị Thu Trang	25/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.4	8.0	6.2	7.7			6.500	6.750	2.800	29.300	053 /26/2021/NX
54	261253	Lê Thị Thu Trang	01/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.4	8.7	7.1	8.4			5.000	7.500	4.200	29.200	054 /26/2021/NX
55	261127	Lê Thị Hoài Linh	08/01/2006	Nông Công - Thanh Hóa	T	K	7.1	7.1	7.2	7.7			6.500	6.000	3.800	28.800	055 /26/2021/NX
56	261197	Lê Minh Quân	29/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	8.7	6.9	7.9	7.9	0.5		6.250	3.750	8.200	28.700	056 /26/2021/NX
57	261309	Hà Thị Hằng	12/08/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	6.1	7.5	6.8	7.3	0.5		4.000	7.500	5.200	28.700	057 /26/2021/NX
58	261279	Nguyễn Đăng Vũ	13/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	8.0	7.0	6.7	7.8			6.250	6.000	4.000	28.500	058 /26/2021/NX
59	261307	Lê Thị Giang	14/05/2006	Như Xuân- Thanh Hoá	T	K	7.6	8.0	7.6	7.7	0.5		3.250	7.500	6.400	28.400	059 /26/2021/NX
60	261015	Quách Nguyễn Văn Anh	05/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.6	6.9	7.6	7.1	0.5		3.500	6.750	7.400	28.400	060 /26/2021/NX
61	261052	Nguyễn Thị Duyên	21/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.0	7.5	7.2	7.3			4.500	7.000	5.200	28.200	061 /26/2021/NX
62	261275	Quách Thị Hà Vy	16/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.9	8.8	6.9	8.2	0.5		3.500	8.500	3.600	28.100	062 /26/2021/NX
63	261267	Hà Nguyễn Huy Tùng	26/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.4	8.4	6.9	8.0	0.5		4.250	7.000	5.000	28.000	063 /26/2021/NX
64	261274	Lê Thị Vân	09/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.7	7.2	6.3	7.5			6.500	6.000	2.800	27.800	064 /26/2021/NX
65	261143	Lê Phương Lưu	27/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.7	8.3	6.6	7.7	0.5		3.500	8.000	4.200	27.700	065 /26/2021/NX
66	261132	Lê Thị Linh	23/04/2006	Yên Định - Thanh Hóa	T	G	8.0	8.1	8.4	8.4	0.5		4.250	7.000	4.600	27.600	066 /26/2021/NX
67	261194	Lê Anh Quân	03/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	8.2	7.7	8.9	8.2	0.5		2.000	7.250	8.400	27.400	067 /26/2021/NX
68	261247	Bùi Đoàn Linh Trang	18/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G	7.9	8.0	7.2	8.0	0.5		4.250	6.500	5.400	27.400	068 /26/2021/NX
69	261003	Nguyễn Thị Lan Anh	13/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.8	7.5	5.9	7.4			3.500	7.000	6.400	27.400	069 /26/2021/NX
70	261248	Trần Thị Phương Trang	20/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.6	7.5	7.0	7.8	0.5		4.250	6.500	5.200	27.200	070 /26/2021/NX
71	261208	Lê Trường Sơn	30/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.1	5.8	7.0	7.0	0.5		5.250	4.500	7.200	27.200	071 /26/2021/NX
72	261123	Bùi Thị Đan Lê	27/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.4	7.7	6.5	8.0	0.5		5.250	6.250	3.600	27.100	072 /26/2021/NX
73	261317	Nguyễn Lê Huy	14/07/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	8.3	7.8	7.7	7.9	0.5		6.500	4.000	5.600	27.100	073 /26/2021/NX
74	261069	Lê Thu Hà	12/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.8	7.9	6.7	7.3	0.5		4.000	7.500	3.600	27.100	074 /26/2021/NX
75	261021	Lê Thị Kiều Băng	19/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.6	6.7	6.5	6.7	0.5		3.750	7.000	5.000	27.000	075 /26/2021/NX
76	261319	Lục Văn Huy	30/08/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	7.8	7.0	7.0	7.3	0.5		6.000	4.500	5.400	26.900	076 /26/2021/NX
77	261244	Nguyễn Huyền Trang	26/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.8	7.4	6.3	7.4			4.250	6.500	5.200	26.700	077 /26/2021/NX
78	261264	Lê Ngọc Tuấn	29/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.4	6.3	5.1	6.3	0.5		4.000	6.000	6.200	26.700	078 /26/2021/NX
79	261255	Quách Thùy Trang	11/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.7	7.3	6.1	6.9	0.5		3.250	7.250	5.000	26.500	079 /26/2021/NX
80	261065	Lê Thanh Hải	18/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.5	7.7	6.0	7.3			5.000	6.750	3.000	26.500	080 /26/2021/NX
81	261050	Lê Thị Duyên	08/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.2	7.8	6.0	7.4	0.5		4.000	6.750	4.200	26.200	081 /26/2021/NX
82	261190	Lương Băng Quang	12/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.5	6.7	5.9	7.2	0.5		6.000	5.500	2.600	26.100	082 /26/2021/NX
83	261023	Phạm Trọng Bình	31/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.6	5.6	5.5	7.0	0.5		4.000	5.500	6.600	26.100	083 /26/2021/NX
84	261049	Nguyễn Phú Duy	13/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.3	6.5	6.5	6.7	0.5		5.000	6.500	2.600	26.100	084 /26/2021/NX

85	261161	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	05/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.3	8.2	6.3	7.7	0.5		3.750	7.500	3.000	26.000	085 /26/2021/NX	
86	261057	Triệu Kim Đức	16/02/2006	Cầm Thủy - Thanh Hóa	T	K	7.4	6.6	6.8	6.8	0.5		4.250	7.000	3.000	26.000	086 /26/2021/NX	
87	261136	Bùi Thị Thủy Linh	04/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.5	7.9	6.8	7.7	0.5		4.500	6.500	3.400	25.900	087 /26/2021/NX	
88	261156	Lê Thị Nga	25/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.5	7.3	6.3	7.1	0.5		4.000	7.250	2.800	25.800	088 /26/2021/NX	
89	261017	Mai Ngọc Anh	08/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.3	7.7	6.6	7.4			5.000	5.000	5.600	25.600	089 /26/2021/NX	
90	261001	Bùi Văn An	23/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.6	6.5	5.7	6.7	0.5		5.500	4.500	5.000	25.500	090 /26/2021/NX	
91	261098	Bùi Duy Hưng	28/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	6.4	5.9	6.7	0.5		3.750	5.250	7.000	25.500	091 /26/2021/NX	
92	261162	Lê Thị Hồng Ngọc	03/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.4	8.0	6.2	7.5	0.5		3.500	7.750	2.400	25.400	092 /26/2021/NX	
93	261099	Lê Nguyễn Hưng	22/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.2	6.7	6.4	7.4	0.5		4.000	4.750	7.200	25.200	093 /26/2021/NX	
94	261338	Lương Hồng Phương	16/10/2006	Như Xuân- Thanh Hoá	T	K	6.6	7.1	6.3	7.4	0.5		3.500	6.750	4.200	25.200	094 /26/2021/NX	
95	261070	Quách Thu Hà	03/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.4	6.4	6.2	7.2	0.5		4.000	6.500	3.600	25.100	095 /26/2021/NX	
96	261243	Đỗ Huyền Trang	14/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.7	6.7	7.2	7.0			4.250	4.750	7.000	25.000	096 /26/2021/NX	
97	261288	Bùi Thị Yến	25/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.1	8.0	6.1	7.5	0.5		4.000	7.000	2.400	24.900	097 /26/2021/NX	
98	261146	Bùi Thị Ngọc Ly	26/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.0	7.5	5.9	7.4	0.5		4.250	6.250	3.400	24.900	098 /26/2021/NX	
99	261188	Bùi Thị Phương	16/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.5	7.2	5.9	7.1	0.5		2.500	8.000	3.400	24.900	099 /26/2021/NX	
100	261063	Hoàng Yến Giang	06/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	8.0	7.2	6.3	7.8			4.750	6.500	2.400	24.900	100 /26/2021/NX	
101	261109	Lê Thị Huyền	21/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	8.0	8.0	6.4	7.6			3.250	6.000	6.400	24.900	101 /26/2021/NX	
102	261011	Trương Thị Nhật Anh	29/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.5	6.9	7.1	6.6			3.500	6.000	5.800	24.800	102 /26/2021/NX	
103	261341	Nguyễn Văn Quyền	30/04/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	6.9	7.3	7.0	7.9	0.5		4.500	6.000	3.200	24.700	103 /26/2021/NX	
104	261257	Lê Thiện Trung	14/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.3	6.3	6.6	7.1	0.5		3.500	5.000	7.200	24.700	104 /26/2021/NX	
105	261287	Trương Hải Yến	30/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.2	7.6	6.8	7.3			4.250	6.500	3.200	24.700	105 /26/2021/NX	
106	261016	Tạ Thị Minh Ánh	16/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.6	7.0	6.5	7.0			4.250	5.000	6.200	24.700	106 /26/2021/NX	
107	261231	Bùi Tuấn Thiện	14/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.2	7.8	7.3	7.7	0.5		4.250	6.000	3.600	24.600	107 /26/2021/NX	
108	261135	Trần Thị Linh	26/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.2	7.5	6.1	7.7			4.500	6.000	3.600	24.600	108 /26/2021/NX	
109	261142	Lê Ngọc Luân	12/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	5.7	5.6	6.2	0.5		3.000	7.500	3.000	24.500	109 /26/2021/NX	
110	261130	Đinh Mai Linh	17/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.7	7.5	6.4	7.9	0.5		4.250	6.500	2.400	24.400	110 /26/2021/NX	
111	261237	Lê Thị Thủy	27/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.1	7.3	6.8	6.8	0.5		4.000	6.250	3.200	24.200	111 /26/2021/NX	
112	261199	Nguyễn Văn Quân	27/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.0	5.3	6.0			3.750	6.750	3.200	24.200	112 /26/2021/NX	
113	261272	Lê Nhân Tuyên	14/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	4.9	5.4	6.2	6.1	0.5		2.000	6.000	7.600	24.100	113 /26/2021/NX	
114	261152	Lê Thị Li Na	20/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.4	7.7	6.2	7.4	0.5		2.500	7.750	3.000	24.000	114 /26/2021/NX	
115	261090	Trương Đình Học	06/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.4	6.7	5.7	6.9	0.5		5.250	5.000	3.000	24.000	115 /26/2021/NX	
116	261217	Trần Thị Thanh	14/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.6	7.6	6.3	7.4			3.250	6.750	4.000	24.000	116 /26/2021/NX	
117	261198	Lê Minh Quân	11/10/2006	Tx Thái Hòa - Nghệ An	T	K	6.6	6.5	7.1	7.0			3.750	4.750	7.000	24.000	117 /26/2021/NX	
118	261067	Đỗ Thị Hạnh	08/04/2006	Sầm Sơn - Thanh Hóa	T	K	6.5	7.2	6.7	6.8			4.500	6.500	2.000	24.000	118 /26/2021/NX	
119	261201	Lê Thị Quyền	06/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.2	7.2	5.3	6.6			3.750	6.750	2.800	23.800	119 /26/2021/NX	
120	261334	Lê Thị Quỳnh Như	15/04/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	G	8.2	8.1	8.0	8.2	0.5		3.250	5.500	5.600	23.600	120 /26/2021/NX	
121	261224	Lê Phương Thảo	28/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.4	7.8	6.8	7.6	0.5		3.000	6.750	3.600	23.600	121 /26/2021/NX	
122	261277	Bùi Văn Vinh	26/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.3	7.2	6.0	7.3	0.5		3.500	6.750	2.600	23.600	122 /26/2021/NX	
123	261059	Quách Văn Đức	18/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.9	6.8	5.4	6.7	0.5		3.250	6.500	3.600	23.600	123 /26/2021/NX	
124	261044	Vũ Lê Tuấn Dương	30/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	4.1	6.4	5.6	6.7	0.5		2.250	6.000	6.600	23.600	124 /26/2021/NX	
125	261276	Lê Hữu Vinh	09/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	5.8	5.8	6.8			3.500	7.000	2.600	23.600	125 /26/2021/NX	
126	261113	Quách Văn Khải	24/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.7	7.4	6.8	7.6	0.5		4.500	5.500	3.000	23.500	126 /26/2021/NX	
127	261218	Hà Xuân Thanh	16/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.7	6.8	6.2	7.0	0.5		4.250	5.750	3.000	23.500	127 /26/2021/NX	
128	261254	Nguyễn Thị Thu Trang	12/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.8	6.0	5.8	6.2			3.250	5.500	6.000	23.500	128 /26/2021/NX	
129	261151	Phùng Trà My	25/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.5	7.4	6.8	8.0			2.250	7.750	3.400	23.400	129 /26/2021/NX	

130	261110	Lê Thị Huyền	20/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.5	7.1	6.6	7.4	0.5		2.000	6.500	5.800	23.300	130 /26/2021/NX
131	261106	Lê Minh Huy	30/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.8	6.4	4.8	6.6	0.5		2.000	6.000	6.800	23.300	131 /26/2021/NX
132	261018	Trần Ngọc Ánh	11/08/2006	Tp Thanh Hóa - Thanh Hóa	T	TB	5.2	5.7	4.7	6.2	0.5		4.000	4.500	5.800	23.300	132 /26/2021/NX
133	261022	Nguyễn Thị Bình	17/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.2	5.6	6.1			3.750	5.000	5.800	23.300	133 /26/2021/NX
134	261321	Nguyễn Duy Khánh	03/02/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	6.7	7.3	7.3	7.5	0.5		2.750	6.500	4.200	23.200	134 /26/2021/NX
135	261124	Bùi Thị Diệu Linh	19/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.6	7.2	6.1	7.2	0.5		4.250	6.000	2.200	23.200	135 /26/2021/NX
136	261075	Quách Thị Hằng	10/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.4	6.8	5.6	6.9	0.5		3.500	6.250	3.200	23.200	136 /26/2021/NX
137	261315	Nguyễn Thị Thanh Huệ	05/11/2006	Như Xuân- Thanh Hoá	T	K	6.9	6.6	6.5	6.8	0.5		3.750	6.500	2.200	23.200	137 /26/2021/NX
138	261082	Lê Thị Mai Hoa	17/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.6	6.6	5.2	6.6	0.5		2.500	7.000	3.600	23.100	138 /26/2021/NX
139	261280	Nguyễn Hoàng Ngọc Vũ	07/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	6.4	6.3	7.1			3.250	5.750	5.000	23.000	139 /26/2021/NX
140	261128	Hoàng Khánh Linh	07/04/2006	Quảng Xương - Thanh Hóa	T	K	6.5	7.2	6.2	7.5			4.000	5.750	3.400	22.900	140 /26/2021/NX
141	261250	Nguyễn Thị Trang	24/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.4	6.9	7.1	6.9			4.000	4.500	5.800	22.800	141 /26/2021/NX
142	261033	Bùi Thị Khánh Diệp	14/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.0	6.4	5.5	6.8	0.5		3.750	6.500	1.800	22.800	142 /26/2021/NX
143	261316	Lạng Thị Thiên Hương	29/10/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	6.3	8.4	7.9	8.1	0.5		0.750	8.250	4.200	22.700	143 /26/2021/NX
144	261108	Nguyễn Thị Kim Huyền	02/09/2006	Thường Xuân, Thanh Hoá	T	K	6.9	7.3	6.3	7.3			3.000	6.250	4.200	22.700	144 /26/2021/NX
145	261061	Phạm Lê Hương Giang	19/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.2	7.4	6.6	6.6			3.750	6.500	2.200	22.700	145 /26/2021/NX
146	261165	Nguyễn Thị Ngọc	25/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.7	7.1	6.0	7.4			4.500	6.000	1.600	22.600	146 /26/2021/NX
147	261066	Nguyễn Văn Hải	26/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.3	6.1	5.0	7.1			3.750	6.500	2.000	22.500	147 /26/2021/NX
148	261064	Lê Hữu Hải	17/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.7	6.4	5.9	6.9	0.5		3.750	6.000	2.400	22.400	148 /26/2021/NX
149	261026	Lê Thị Linh Chi	25/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.9	7.5	7.2	7.4			3.250	6.750	2.400	22.400	149 /26/2021/NX
150	261043	Phạm Lê Thùy Dương	19/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.6	6.2	5.1	6.7	0.5		3.000	5.250	5.400	22.400	150 /26/2021/NX
151	261290	Vì Ngọc Anh	23/05/2006	Như Xuân- Thanh Hoá	K	K	5.9	7.0	7.2	7.0	0.5		1.750	7.750	2.800	22.300	151 /26/2021/NX
152	261355	Vũ Thanh Xuân	18/09/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	7.9	7.4	7.3	7.5	0.5		2.000	7.250	3.200	22.200	152 /26/2021/NX
153	261226	Lê Thị Thảo	20/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.9	6.9	6.1	6.8	0.5		3.250	5.000	5.200	22.200	153 /26/2021/NX
154	261019	Lê Thị Nguyệt Anh	08/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.4	6.3	7.1	6.5	0.5		2.250	5.500	6.200	22.200	154 /26/2021/NX
155	261020	Lê Minh Bách	03/03/2006	Bv Phụ Sản Thanh Hóa	T	TB	6.3	5.4	7.1	6.1	0.5		3.250	4.000	7.200	22.200	155 /26/2021/NX
156	261145	Hoàng Lê Khánh Ly	19/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.1	6.9	5.5	7.5	0.5		3.000	6.000	3.600	22.100	156 /26/2021/NX
157	261089	Lê Nhân Hoàng	13/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.1	5.4	6.6	0.5		4.500	4.500	3.600	22.100	157 /26/2021/NX
158	261058	Lê Văn Minh Đức	01/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.1	6.5	5.5	6.7	0.5		2.250	7.000	3.000	22.000	158 /26/2021/NX
159	261268	Kim Thanh Tùng	06/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.6	7.3	6.8	7.6	0.5		3.500	5.500	3.400	21.900	159 /26/2021/NX
160	261195	Lê Anh Quân	30/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.1	6.5	6.2	7.1	0.5		3.500	5.250	3.800	21.800	160 /26/2021/NX
161	261004	Vì Thị Lan Anh	05/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	6.9	7.4	6.9	0.5		3.250	5.500	3.800	21.800	161 /26/2021/NX
162	261051	Lê Thị Duyên	11/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.9	7.1	5.8	7.1			2.500	6.500	3.800	21.800	162 /26/2021/NX
163	261034	Nguyễn Thị Diệp	22/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.1	7.0	6.0	7.4			3.500	6.000	2.200	21.200	163 /26/2021/NX
164	261192	Lê Phú Quang	24/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.3	6.1	6.0	7.0			2.500	6.000	4.200	21.200	164 /26/2021/NX
165	261122	Nguyễn Văn Lâm	08/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.5	7.1	7.6	7.9	0.5		3.500	5.000	3.600	21.100	165 /26/2021/NX
166	261160	Vì Thị Thuý Nga	30/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.5	7.2	6.3	7.1	0.5		3.000	6.500	1.600	21.100	166 /26/2021/NX
167	261259	Nguyễn Văn Trung	09/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.0	6.5	6.3	6.8			6.000	2.750	3.600	21.100	167 /26/2021/NX
168	261007	Đại Ngọc Anh	10/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	4.2	6.0	5.2	6.3			1.250	7.000	4.600	21.100	168 /26/2021/NX
169	261239	Bùi Thị Thanh Thuý	07/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.6	6.8	5.9	7.1	0.5		4.000	5.250	2.000	21.000	169 /26/2021/NX
170	261074	Lê Thị Nguyệt Hằng	05/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.6	5.8	7.7	6.9			2.000	6.000	5.000	21.000	170 /26/2021/NX
171	261036	Quách Khả Doanh	18/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	K	6.1	7.1	5.7	7.2	0.5		3.250	5.500	3.000	21.000	171 /26/2021/NX
172	261133	Lê Thị Linh	15/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.4	7.1	6.8	6.8	0.5		3.500	5.000	3.400	20.900	172 /26/2021/NX
173	261286	Lê Thị Yên	17/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	7.0	6.0	7.1			4.250	4.500	3.400	20.900	173 /26/2021/NX
174	261222	Nguyễn Văn Thành	08/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.6	6.8	5.7	6.8			4.000	4.250	4.400	20.900	174 /26/2021/NX

175	261139	Phùng Phi Long	16/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	6.1	5.2	6.6	0.5		3.750	4.750	3.400	20.900	175 /26/2021/NX	
176	261131	Chu Mỹ Linh	06/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.5	5.8	5.1	6.7			2.750	6.000	3.400	20.900	176 /26/2021/NX	
177	261117	Nguyễn Xuân Khánh	27/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.3	5.8	5.5	6.7			3.500	5.000	3.800	20.800	177 /26/2021/NX	
178	261041	Lê Văn Dũng	14/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.5	5.4	5.4	5.9	0.5		3.500	3.500	6.200	20.700	178 /26/2021/NX	
179	261093	Lê Thị Bích Hợp	02/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	6.7	5.5	6.9	0.5		2.500	5.750	3.600	20.600	179 /26/2021/NX	
180	261234	Nguyễn Đăng Thuận	20/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.1	6.9	5.9	6.9			3.500	6.000	1.600	20.600	180 /26/2021/NX	
181	261260	Hà Trọng Trường	08/02/2006	Như Thanh - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.0	5.9	6.4			3.000	4.000	6.400	20.400	181 /26/2021/NX	
182	261236	Hoàng Thị Thương	13/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.9	6.7	5.0	7.1	0.5		2.000	6.500	2.800	20.300	182 /26/2021/NX	
183	261241	Hà Thị Thủy	08/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.0	6.8	7.4	6.9	0.5		2.500	5.500	3.800	20.300	183 /26/2021/NX	
184	261107	Bùi Văn Huyền	04/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.6	5.9	5.5	6.4	0.5		1.750	5.500	5.200	20.200	184 /26/2021/NX	
185	261119	Lê Thị Khuyến	29/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.8	7.8	7.5	7.5	0.5		2.000	6.000	3.600	20.100	185 /26/2021/NX	
186	261233	Đỗ Thị Minh Thu	15/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.8	6.9	7.0	7.1	0.5		3.500	4.500	3.600	20.100	186 /26/2021/NX	
187	261147	Quách Cẩm Thảo Ly	10/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.2	6.5	6.4	7.1	0.5		2.500	6.000	2.600	20.100	187 /26/2021/NX	
188	261284	Lục Thị Xinh	20/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.2	7.6	6.7	6.9	0.5		3.000	5.500	2.600	20.100	188 /26/2021/NX	
189	261125	Quách Thị Diệu Linh	04/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	7.1	6.2	7.3	0.5		3.000	5.750	2.000	20.000	189 /26/2021/NX	
190	261164	Lê Thanh Như Ngọc	09/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.5	6.7	6.9	7.6			2.750	5.250	4.000	20.000	190 /26/2021/NX	
191	261158	Trần Thị Nga	26/10/2006	Sầm Sơn - Thanh Hóa	T	K	7.3	6.5	6.2	7.2			4.500	4.000	3.000	20.000	191 /26/2021/NX	
192	261029	Lê Thị Chinh	19/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.1	6.5	5.7	6.9	0.5		3.000	5.500	2.400	19.900	192 /26/2021/NX	
193	261062	Trương Thị Giang	20/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.9	7.0	6.0	7.0			3.750	5.000	2.400	19.900	193 /26/2021/NX	
194	261068	Nguyễn Thị Hà	27/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.0	7.0	6.3	6.5			3.750	5.500	1.400	19.900	194 /26/2021/NX	
195	261191	Lê Hữu Quang	01/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.8	5.7	6.0	6.4	0.5		2.500	5.000	4.400	19.900	195 /26/2021/NX	
196	261180	Lò Thị Quỳnh Như	01/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.8	7.2	6.6	7.4	0.5		4.250	4.000	2.800	19.800	196 /26/2021/NX	
197	261149	Lê Đình Mạnh	16/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.8	5.9	7.1	6.7	0.5		3.750	5.000	1.800	19.800	197 /26/2021/NX	
198	261273	Lê Thị Tuyền	12/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	6.3	6.0	6.7	0.5		4.250	4.000	2.800	19.800	198 /26/2021/NX	
199	261265	Quách Quang Tuấn	28/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.1	5.7	6.1	6.1	0.5		1.250	7.000	2.800	19.800	199 /26/2021/NX	
200	261045	Nguyễn Văn Tùng Dương	04/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.0	6.2	5.7	6.6			2.500	5.500	3.800	19.800	200 /26/2021/NX	
201	261076	Bùi Kiều Ha	19/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.3	7.3	5.6	7.5	0.5		2.500	6.000	2.200	19.700	201 /26/2021/NX	
202	261168	Bùi Văn Nhân	11/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.2	6.8	5.6	7.1	0.5		3.000	5.500	2.200	19.700	202 /26/2021/NX	
203	261289	Lê Thị Yên	24/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	6.3	5.8	6.5	0.5		2.000	6.500	2.200	19.700	203 /26/2021/NX	
204	261092	Lê Thị Hồng	23/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	6.4	6.8	7.3	0.5		2.500	5.250	3.600	19.600	204 /26/2021/NX	
205	261225	Cao Thị Thảo	15/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.2	7.3	6.4	7.7			2.500	5.000	4.600	19.600	205 /26/2021/NX	
206	261285	Lương Thị Thanh Xuân	27/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.4	5.5	6.3	0.5		3.250	4.750	3.000	19.500	206 /26/2021/NX	
207	261083	Cao Thị Mỹ Hoa	02/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	6.2	5.4	6.0			2.500	5.000	4.400	19.400	207 /26/2021/NX	
208	261025	Quách Văn Bình	30/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.4	5.2	4.5	5.5	0.5		2.500	5.500	2.800	19.300	208 /26/2021/NX	
209	261088	Lê Gia Hoàng	19/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	5.5	5.0	5.6			3.500	4.750	2.800	19.300	209 /26/2021/NX	
210	261046	Lê Văn Dương	14/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	6.0	6.2	6.6			3.000	3.500	6.200	19.200	210 /26/2021/NX	
211	261137	Lê Thị Thủy Linh	01/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	5.9	6.0	6.5			3.000	5.500	2.200	19.200	211 /26/2021/NX	
212	261129	Bùi Thị Khánh Linh	10/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	K	6.0	6.8	6.3	7.0	0.5		3.000	4.750	3.200	19.200	212 /26/2021/NX	
213	261014	Lê Ngọc Thế Anh	08/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.2	5.6	5.4	6.0	0.5		2.500	2.750	8.000	19.000	213 /26/2021/NX	
214	261270	Nguyễn Trọng Tú	10/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.0	5.9	5.8	6.2			2.500	5.750	2.400	18.900	214 /26/2021/NX	
215	261167	Quách Thảo Nguyên	22/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.8	6.0	5.7	6.4	0.5		2.500	5.250	2.800	18.800	215 /26/2021/NX	
216	261024	Nguyễn Văn Bình	26/07/2005	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	5.2	5.2	5.6			2.500	4.000	5.800	18.800	216 /26/2021/NX	
217	261159	Vì Thị Nga	01/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.8	7.2	6.1	7.2	0.5		3.750	4.250	2.200	18.700	217 /26/2021/NX	
218	261354	Lò Thị Kim Xinh	25/10/2006	Như Xuân- Thanh Hoá	T	K	6.4	7.0	6.0	6.7	0.5		2.500	5.500	2.200	18.700	218 /26/2021/NX	
219	261114	Cao Duy Khánh	27/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.1	6.0	5.9	6.9			3.250	5.000	2.200	18.700	219 /26/2021/NX	

220	261055	Nguyễn Văn Điệp	10/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	5.6	5.4	5.9	0.5		2.000	5.500	3.200	18.700	220 /26/2021/NX
221	261105	Chu Đình Huy	21/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	5.4	5.5	5.7			2.500	3.750	6.200	18.700	221 /26/2021/NX
222	261078	Lê Thị Hiền	03/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.4	6.9	5.6	6.8	0.5		1.000	6.750	2.600	18.600	222 /26/2021/NX
223	261221	Lê Quang Thành	26/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	6.7	6.6	6.4	0.5		3.000	3.750	4.600	18.600	223 /26/2021/NX
224	261053	Quách Thị Duyên	23/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	6.0	6.2	5.8	7.0	0.5		3.250	4.000	3.600	18.600	224 /26/2021/NX
225	261213	Lương Văn Sự	03/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.4	5.7	6.5	0.5		1.000	6.000	4.000	18.500	225 /26/2021/NX
226	261203	Bùi Thị Quyết	04/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.0	7.4	6.1	6.9	0.5		2.750	5.000	2.400	18.400	226 /26/2021/NX
227	261072	Bùi Trung Hà	13/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	6.2	5.4	7.0	0.5		2.250	5.500	2.400	18.400	227 /26/2021/NX
228	261185	Mai Xuân Phong	06/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.2	5.7	5.2	6.4	0.5		0.750	6.500	3.400	18.400	228 /26/2021/NX
229	261283	Lê Thị Khánh Vy	17/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.1	6.7	6.2	6.7	0.5		3.000	4.500	2.800	18.300	229 /26/2021/NX
230	261170	Lương Thị Linh Nhi	08/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	7.1	7.3	6.9	0.5		2.000	5.250	3.200	18.200	230 /26/2021/NX
231	261085	Nguyễn Bảo Hoàng	25/02/2006	Nông Công - Thanh Hóa	T	TB	5.1	5.4	4.7	6.1	0.5		2.500	3.250	6.200	18.200	231 /26/2021/NX
232	261281	Nguyễn Văn Vũ	04/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.2	5.5	5.7	5.7			3.750	4.250	2.200	18.200	232 /26/2021/NX
233	261047	Trần Thị Dư	20/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.6	7.0	7.2	6.5			3.000	4.750	2.600	18.100	233 /26/2021/NX
234	261081	Lê Thị Phương Hiếu	02/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	6.3	5.9	6.4	0.5		4.000	3.500	2.600	18.100	234 /26/2021/NX
235	261184	Lò Thị Oanh	13/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.0	6.5	6.6	5.8	0.5		3.000	4.500	2.600	18.100	235 /26/2021/NX
236	261238	Lê Thị Thùy	23/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	6.3	5.1	6.5	0.5		3.000	4.750	2.000	18.000	236 /26/2021/NX
237	261038	Lê Quang Duẩn	26/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.1	7.1	5.7	7.1			3.250	4.000	3.400	17.900	237 /26/2021/NX
238	261204	Phạm Đăng Hương Quỳnh	14/11/2006	Tiền Hải - Thái Bình	T	K	6.5	7.0	5.6	7.1			0.750	6.000	4.400	17.900	238 /26/2021/NX
239	261126	Vĩ Diệu Linh	10/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	6.8	6.3	7.1	0.5		3.000	4.250	2.800	17.800	239 /26/2021/NX
240	261048	Bùi Đức Duy	10/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.8	6.0	5.9	6.7	0.5		2.750	4.500	2.800	17.800	240 /26/2021/NX
241	261155	Lương Thị Nam	20/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.0	6.5	5.9	6.4	0.5		2.000	5.000	3.200	17.700	241 /26/2021/NX
242	261308	Lê Thị Hồng Hạnh	10/12/2006	Như Xuân, Thanh Hóa	T	K	5.6	6.2	6.6	6.9	0.5		2.250	5.000	2.600	17.600	242 /26/2021/NX
243	261087	Lê Đình Hoàng	02/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.6	5.7	6.8	6.5			2.750	4.500	3.000	17.500	243 /26/2021/NX
244	261261	Đồng Lương Xuân Tường	09/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.5	5.5	5.0	5.6	0.5		2.000	3.500	6.000	17.500	244 /26/2021/NX
245	261031	Vĩ Trọng Cường	20/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.5	5.8	6.3	7.1	0.5		0.500	4.250	7.400	17.400	245 /26/2021/NX
246	261258	Lê Văn Trung	01/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.0	5.1	4.5	5.0			3.000	4.500	2.400	17.400	246 /26/2021/NX
247	261235	Đinh Thị Thương	12/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.4	6.4	5.9	6.2	0.5		0.750	6.250	2.800	17.300	247 /26/2021/NX
248	261186	Lê Ngọc Phú	21/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.1	5.3	4.8	5.6	0.5		2.500	4.500	2.800	17.300	248 /26/2021/NX
249	261086	Lê Công Hoàng	10/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.8	5.7	6.3	6.1	0.5		2.500	4.500	2.800	17.300	249 /26/2021/NX
250	261189	Nguyễn Thị Phương	09/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.7	6.4	7.6	6.5			1.500	5.000	4.200	17.200	250 /26/2021/NX
251	261220	Đào Đình Thành	15/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.1	7.5	6.3	7.1			2.500	3.750	4.600	17.100	251 /26/2021/NX
252	261193	Nguyễn Văn Quang	18/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.5	6.3	5.4	6.2			4.000	2.750	3.600	17.100	252 /26/2021/NX
253	261229	Đoàn Văn Thắng	17/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	5.8	5.6	5.8			3.250	3.500	3.600	17.100	253 /26/2021/NX
254	261174	Lê Thị Yến Nhi	11/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.7	6.2	7.5	6.5			3.500	3.500	3.000	17.000	254 /26/2021/NX
255	261037	Chu Đình Du	01/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.4	5.9	5.3	5.8			2.000	5.000	3.000	17.000	255 /26/2021/NX
256	261077	Lê Văn Hậu	28/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	5.6	5.4	6.3			2.000	4.750	3.400	16.900	256 /26/2021/NX
257	261206	Nguyễn Văn Sáng	20/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.2	6.1	5.3	5.5			1.750	5.500	2.400	16.900	257 /26/2021/NX
258	261228	Lương Thị Thắm	04/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	5.7	6.0	6.4	0.5		3.000	3.000	4.200	16.700	258 /26/2021/NX
259	261210	Lê Văn Sơn	14/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	5.2	5.6	5.8	0.5		2.500	4.000	3.200	16.700	259 /26/2021/NX
260	261103	Lê Thị Hương	07/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	6.4	6.5	6.6			2.250	5.000	2.200	16.700	260 /26/2021/NX
261	261080	Lê Văn Hiệp	02/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.1	5.2	6.3	5.6			4.000	2.750	3.200	16.700	261 /26/2021/NX
262	261120	Lê Đình Kiên	31/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.2	6.5	5.8	6.5			3.500	4.000	1.600	16.600	262 /26/2021/NX
263	261091	Quách Văn Hội	26/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.6	5.9	5.5	6.4	0.5		2.000	4.750	2.600	16.600	263 /26/2021/NX
264	261112	Lô Thị Huyền	26/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	6.1	5.7	6.3	0.5		3.000	4.000	2.000	16.500	264 /26/2021/NX

265	261150	Lê Đình Minh	14/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.0	5.7	4.4	6.3	0.5		1.000	5.500	2.800	16.300	265 /26/2021/NX
266	261104	Lê Danh Huy	07/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.7	5.5	6.1	6.3	0.5		2.000	2.750	6.200	16.200	266 /26/2021/NX
267	261269	Nguyễn Gia Anh Tú	27/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.3	6.3	6.9	6.7	0.5		2.750	3.250	3.600	16.100	267 /26/2021/NX
268	261173	Lê Thị Yên Nhi	20/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.1	6.8	6.7	6.6	0.5		1.500	5.000	2.600	16.100	268 /26/2021/NX
269	261073	Trịnh Việt Hà	01/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.1	5.1	4.9	6.5	0.5		2.000	4.000	3.600	16.100	269 /26/2021/NX
270	261166	Nguyễn Thị Yên Ngọc	01/11/2006	Đĩ An - Bình Dương	T	K	6.4	7.6	7.1	7.1			3.750	3.250	2.000	16.000	270 /26/2021/NX
271	261030	Lê Ngọc Cương	12/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	6.4	6.6	6.4	0.5		1.250	5.000	3.000	16.000	271 /26/2021/NX
272	261094	Hoàng Minh Hùng	02/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.3	6.0	5.8	6.4			3.500	3.500	2.000	16.000	272 /26/2021/NX
273	261118	Trần Văn Khiêm	07/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.9	5.9	6.2	6.6	0.5		2.000	4.000	3.400	15.900	273 /26/2021/NX
274	261071	Bùi Thị Thu Hà	02/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	6.3	5.1	6.6	0.5		2.000	4.500	2.200	15.700	274 /26/2021/NX
275	261271	Lê Văn Tú	12/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.4	6.2	4.2	6.4	0.5		2.500	4.000	2.200	15.700	275 /26/2021/NX
276	261330	Lương Thị Hà Ngân	08/10/2006	Như Xuân- Thanh Hoá	T	TB	6.0	6.6	5.9	6.3	0.5		1.250	5.000	2.600	15.600	276 /26/2021/NX
277	261095	Lê Văn Hùng	28/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.2	5.4	4.4	5.5	0.5		3.250	3.250	2.000	15.500	277 /26/2021/NX
278	261230	Lương Xuân Thắng	28/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	5.7	5.3	5.7			1.750	4.500	3.000	15.500	278 /26/2021/NX
279	261207	Lê Quảng Sơn	01/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.7	6.1	6.4	6.3	0.5		2.250	3.750	3.000	15.500	279 /26/2021/NX
280	261187	Đỗ Văn Phú	18/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.0	5.3	5.5	5.2			2.500	3.500	3.400	15.400	280 /26/2021/NX
281	261246	Vũ Kiều Trang	03/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.8	7.4	6.0	7.4			3.000	3.000	3.000	15.000	281 /26/2021/NX
282	261223	Vì Đức Thảo	05/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.2	5.8	5.5	6.0	0.5		1.000	4.250	4.000	15.000	282 /26/2021/NX
283	261111	Lê Thị Huyền	21/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.3	6.0	6.6	6.1	0.5		0.750	4.500	4.000	15.000	283 /26/2021/NX
284	261256	Lê Hữu Minh Trí	06/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.2	5.4	6.6	6.5	0.5		1.500	2.500	6.400	14.900	284 /26/2021/NX
285	261171	Lương Thảo Nhi	02/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.6	6.2	6.3	0.5		1.000	5.000	2.400	14.900	285 /26/2021/NX
286	261060	Quách Su Gia	22/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.1	6.0	5.7	6.0	0.5		2.000	3.500	3.400	14.900	286 /26/2021/NX
287	261101	Bùi Văn Hưng	16/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.1	5.4	5.4	5.8	0.5		1.500	2.750	5.800	14.800	287 /26/2021/NX
288	261178	Đinh Thị Nhung	21/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	5.3	5.6	6.3	0.5		2.000	3.750	2.600	14.600	288 /26/2021/NX
289	261278	Lê Quang Vinh	13/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.5	5.6	5.1	5.9	0.5		2.500	2.750	3.600	14.600	289 /26/2021/NX
290	261242	Hà Văn Tĩnh	29/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.9	6.6	6.1	6.6	0.5		2.000	3.500	3.000	14.500	290 /26/2021/NX
291	261181	Nguyễn Tâm Như	17/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	6.7	6.8	6.2	7.1			2.500	3.500	2.400	14.400	291 /26/2021/NX
292	261138	Kim Nhật Long	11/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	5.1	5.4	5.7	0.5		2.250	3.500	2.400	14.400	292 /26/2021/NX
293	261039	Lê Quang Duân	16/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.4	5.2	5.4	6.0	0.5		1.500	3.000	4.800	14.300	293 /26/2021/NX
294	261249	Lương Thị Trang	16/01/2005	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.8	5.8	5.9	6.2	0.5		1.750	3.500	3.200	14.200	294 /26/2021/NX
295	261240	Hoàng Như Thủy	03/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.5	6.1	5.2	6.2			0.750	5.000	2.600	14.100	295 /26/2021/NX
296	261144	Vì Thị Luyện	05/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	7.0	6.5	6.0	6.8	0.5		1.500	4.000	2.400	13.900	296 /26/2021/NX
297	261116	Lê Quang Khánh	20/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.6	5.7	6.5	6.1	0.5		2.500	3.000	2.400	13.900	297 /26/2021/NX
298	261251	Lê Thu Trang	07/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	6.2	6.5	6.1			1.000	4.000	3.400	13.400	298 /26/2021/NX
299	261084	Lò Thị Hoài	31/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.1	6.2	6.8	6.3	0.5		1.000	3.500	3.600	13.100	299 /26/2021/NX
300	261032	Lê Thị Diễm	01/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.9	5.8	5.4	6.2	0.5		2.500	2.500	2.600	13.100	300 /26/2021/NX
301	261182	Vì Văn Niệm	21/08/2005	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.0	5.1	5.5	5.4	0.5		0.750	4.500	2.000	13.000	301 /26/2021/NX
302	261134	Quách Thị Linh	28/11/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.2	5.9	5.8	5.9	0.5		1.500	3.500	2.400	12.900	302 /26/2021/NX
303	261102	Lê Văn Hưng	01/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.8	5.9	6.0	6.0	0.5		2.500	2.250	2.600	12.600	303 /26/2021/NX
304	261153	Lê Đình Nam	05/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	4.7	5.7	4.9	6.3	0.5		2.250	2.500	2.200	12.200	304 /26/2021/NX
305	261211	Nguyễn Văn Sơn	01/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.3	5.5	5.5	5.8			2.500	2.500	2.200	12.200	305 /26/2021/NX
306	261177	Nguyễn Thị Hồng Nhung	24/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K	5.7	6.6	6.8	6.9	0.5		1.500	3.000	2.600	12.100	306 /26/2021/NX
307	261172	Lê Thị Yên Nhi	29/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	6.1	6.1	6.5	0.5		2.000	2.500	2.600	12.100	307 /26/2021/NX
308	261176	Lương Văn Nhuận	03/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.5	5.8	5.5	6.2	0.5		2.000	2.500	2.400	11.900	308 /26/2021/NX
309	261163	Hoàng Thị Khánh Ngọc	10/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	6.2	6.3	5.5	6.6			2.500	2.250	2.400	11.900	309 /26/2021/NX

310	261209	Hà Văn Sơn	01/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.2	4.7	5.1	5.2	0.5		1.000	3.250	2.800	11.800	310 /26/2021/NX	
311	261028	Lê Hữu Đức Chính	18/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB	5.7	5.8	6.0	6.4	0.5		1.500	2.500	3.200	11.700	311 /26/2021/NX	
312	261219	Nguyễn Lê Chân Thành	12/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	K	TB	5.1	5.5	6.2	6.5			1.000	3.500	2.400	11.400	312 /26/2021/NX	
313		Quách Thị Nhung	01/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G				8.3							313 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
314		Nguyễn Cao Tuấn Khải	16/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	G				8.0							314 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
315		Đỗ Phương Anh	15/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.5							315 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
316		Lương Thị Lê Quyền	15/08/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.4							316 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
317		Nguyễn Khánh Linh	14/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.4							317 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
318		Lê Nhân Hoàng	24/07/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.4							318 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
319		Phùng Đình Minh	02/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.3							319 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
320		Lê Thị Thương	29/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.3							320 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
321		Nguyễn Thế Anh	06/08/2006	Bv Phụ Sản Thanh Hóa	T	K				7.3							321 /26/2021/NX	Khuyết tật vận động
322		Phạm Bảo Trung	08/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.1							322 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
323		Lê Thị Minh Nguyệt	02/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.1							323 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
324		Quách Thảo Lê	14/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.1							324 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
325		Nguyễn Tiến Đạt	27/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.1							325 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
326		Lữ Thị Huyền	14/05/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.1							326 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
327		Quách Lê Việt Bách	12/02/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				7.0							327 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
328		Vì Thị Thảo Anh	05/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				6.9							328 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
329		Cao Kiều Trang	29/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				6.8							329 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
330		Đinh Thị Khánh Linh	18/09/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				6.7							330 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
331		Lê Khánh Ngọc	27/01/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				6.7							331 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
332		Lương Thị Hà Nhi	22/04/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				6.6							332 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
333		Lê Văn Phong	19/03/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	K				6.5							333 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
334		Lê Trọng Nghĩa	10/06/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB				6.2							334 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
335		Đặng Lê Thái Bảo	25/12/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB				6.2							335 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT
336		Vì Trọng Hiếu	01/10/2006	Như Xuân - Thanh Hóa	T	TB				5.9							336 /26/2021/NX	HS Trường PTDNT

Danh sách có: 336 thí sinh trúng tuyển.

HIỆU TRƯỞNG

CÁN BỘ DUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG KT&KĐCLGD

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021